

Số: **18** /2026/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định về nội dung, thành phần hồ sơ, định mức chi phí, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng thể Thủ đô, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể Thủ đô

(thực hiện điểm a khoản 3 Điều 10 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định một số nội dung về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để tổ chức thi hành Luật Thủ đô;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố tại Tờ trình số 197/TTr-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2026 về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về nội dung, thành phần hồ sơ, định mức chi phí, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thủ đô, phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thủ đô;

Xét Báo cáo thẩm tra số 108/BC-BĐT ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân Thành phố; Văn bản số 2501/UBND-ĐT ngày 02 tháng 6 năm 2026 và Báo cáo số 199/BC-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố; Ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định về nội dung, thành phần hồ sơ, định mức chi phí, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng thể Thủ đô, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể Thủ đô.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về nội dung, thành phần hồ sơ, định mức chi phí, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng thể Thủ đô, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể Thủ đô.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm:

a) Tổ chức thi hành Nghị quyết này;

b) Thực hiện các quy định tại điểm d, đ khoản 3 và khoản 5, Điều 33 của Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 trong quá trình tổ chức thi hành Nghị quyết này;

c) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị đề cao trách nhiệm, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí trong quá trình thực hiện Nghị quyết này. Phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh xung quanh Thủ đô và các tỉnh Đồng bằng sông Hồng trong quá trình tổ chức thực hiện;

d) Chỉ đạo xây dựng, ban hành định mức chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thủ đô và các chi phí khác có liên quan phục vụ công tác lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch tổng thể Thủ đô.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội phối hợp tuyên truyền và giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 và thay thế Nghị quyết số 84/2025/NQ/HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định nội dung, định mức chi phí, đơn giá, thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thủ đô.

2. Các dự án, nội dung công việc đang thực hiện theo Nghị quyết số 84/2025/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 84/2025/NQ-HĐND. Các nội dung chưa triển khai thực hiện hoặc phát sinh thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này. Các trường hợp khác giao Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVII, nhiệm kỳ 2026-2031 thông qua tại kỳ họp thứ Ba ngày 02 tháng 6 năm 2026. /

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính, Xây dựng;
- Cục KTVB và Quản lý xử lý VPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ VN Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Ban Đảng Thành ủy;
- Các Ban của HĐND Thành phố;
- Các VP: Thành ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND TP, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang TTĐT của Đoàn ĐBQH&HĐND Thành phố;
- Trung tâm TT, DL và CNS TP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phùng Thị Hồng Hà

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



QUY ĐỊNH

Quy định về nội dung, thành phần hồ sơ, định mức chi phí, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng thể Thủ đô, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể Thủ đô

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **18** /2026/NQ-HĐND
ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nội dung, thành phần hồ sơ, định mức chi phí, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng thể Thủ đô, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể Thủ đô được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác lập, thẩm định, phê duyệt, rà soát, điều chỉnh, công bố, thực hiện quy hoạch tổng thể Thủ đô.

Chương II NỘI DUNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ THỦ ĐÔ

Điều 3. Nội dung quy hoạch tổng thể Thủ đô

1. Quy hoạch tổng thể Thủ đô là quy hoạch tích hợp, lồng ghép các nội dung của quy hoạch tỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch và quy hoạch chung Thành phố theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.

Nội dung Quy hoạch tổng thể Thủ đô thể hiện, cụ thể hóa các định hướng phát triển đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia; phương hướng phát triển đã được xác định ở quy hoạch vùng; định hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, hệ thống đô thị và nông thôn, kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường ở cấp Thành phố, liên xã.

2. Nhiệm vụ quy hoạch tổng thể Thủ đô bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Xác định lý do và sự cần thiết lập quy hoạch; căn cứ, nguyên tắc lập quy hoạch;
- Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch; thời hạn của quy hoạch; quan điểm, mục tiêu phát triển;
- Phân tích đánh giá đặc điểm tự nhiên, xã hội, hiện trạng sử dụng đất, và dự báo nhu cầu phát triển (dân số, kinh tế, hạ tầng);
- Yêu cầu về nội dung quy hoạch; hồ sơ quy hoạch; dự kiến chi phí và xác định nguồn vốn cho công tác lập, thẩm định, phê duyệt và công bố quy hoạch;

đ) Yêu cầu về đánh giá môi trường chiến lược đối với quy hoạch theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

e) Tiến độ lập quy hoạch; yêu cầu về nội dung, hình thức và đối tượng lấy ý kiến về quy hoạch; trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong việc tổ chức lập quy hoạch.

3. Quy hoạch tổng thể Thủ đô gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Xác định yêu cầu, nội dung theo quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; phân tích, đánh giá, dự báo các nhu cầu, điều kiện phát triển đặc thù của Thành phố;

b) Đánh giá hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội; hiện trạng dân số và phân bố dân cư; hiện trạng sử dụng đất; hiện trạng hệ thống đô thị, nông thôn; hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng kinh tế, hạ tầng xã hội, nhà ở và môi trường; an ninh, quốc phòng;

c) Xác định quan điểm phát triển Thành phố; xây dựng các kịch bản phát triển và lựa chọn phương án phát triển trong mối liên kết vùng; xác định mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể trong thời kỳ quy hoạch và tầm nhìn dài hạn; xác định nhiệm vụ trọng tâm và đột phá chiến lược;

d) Xác định mô hình, cấu trúc và định hướng tổ chức không gian phát triển đô thị và nông thôn của toàn Thành phố;

đ) Xác định tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của toàn Thành phố;

e) Định hướng phát triển các ngành quan trọng của Thành phố;

g) Định hướng sử dụng đất toàn Thành phố theo các giai đoạn, trong đó xác định các khu vực: phát triển đô thị, phát triển nông thôn, phát triển khu chức năng, sản xuất nông nghiệp; lâm nghiệp; an ninh; quốc phòng và khu vực khác theo yêu cầu quản lý;

h) Định hướng phát triển các khu chức năng của toàn Thành phố;

i) Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng kinh tế và hạ tầng xã hội; phát triển không gian ngầm;

k) Xác định, phân vùng quản lý các khu vực địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng, hệ thống công trình quốc phòng, khu quân sự, kho tàng chiến lược và các vùng cấm, vùng bảo vệ công trình quốc phòng theo quy định của Luật Quốc phòng và Luật Quản lý, sử dụng công trình quốc phòng, khu quân sự;

l) Xây dựng phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; bảo tồn không gian văn hóa lịch sử cộng đồng; khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên; phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu;

m) Xác định các giai đoạn phát triển của Thủ đô; xây dựng tiêu chí lựa chọn dự án ưu tiên; lập danh mục dự án quan trọng của Thành phố và thứ tự ưu tiên thực hiện;

n) Xác định giải pháp và nguồn lực thực hiện quy hoạch.

4. Thời hạn và tầm nhìn của quy hoạch tổng thể Thủ đô do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định trong quá trình nghiên cứu tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.

Điều 4. Lấy ý kiến về nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô, điều chỉnh quy hoạch tổng thể thủ đô

1. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch tổng thể Thủ đô có trách nhiệm lấy ý kiến về nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô.

2. Đối tượng lấy ý kiến được quy định như sau:

a) Nhiệm vụ quy hoạch tổng thể Thủ đô phải được lấy ý kiến các sở ngành của Thành phố;

b) Quy hoạch tổng thể Thủ đô, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể Thủ đô phải được lấy ý kiến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các sở ngành của Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã, cộng đồng dân cư, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trước khi phê duyệt;

3. Nội dung lấy ý kiến gồm nội dung của nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô; đối với những nội dung thuộc bí mật nhà nước phải bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

4. Việc lấy ý kiến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các sở ngành của Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan được thực hiện theo hình thức gửi hồ sơ đề đối tượng lấy ý kiến nghiên cứu, có ý kiến bằng văn bản. Các cơ quan, tổ chức và chuyên gia được lấy ý kiến có trách nhiệm cho ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc đối với nhiệm vụ và 15 ngày đối với quy hoạch tổng thể Thủ đô kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.

5. Việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư có liên quan về quy hoạch tổng thể Thủ đô được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Hình thức lấy ý kiến được thực hiện bằng một hoặc một số hình thức như sau: đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan tổ chức lập quy hoạch; gửi hồ sơ, tài liệu để lấy ý kiến của người dân bằng văn bản; niêm yết, trưng bày tại nơi công cộng để tiếp nhận ý kiến của người dân; hình thức khác theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở;

b) Thời gian lấy ý kiến ít nhất là 20 ngày kể từ ngày công khai nội dung lấy ý kiến.

6. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch tổng thể Thủ đô có trách nhiệm tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến đóng góp; hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô trước khi trình thẩm định, trình phê duyệt. Nội dung báo cáo tiếp thu, giải trình phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan tổ chức lập quy hoạch để đảm bảo công khai, minh bạch.

Điều 5. Hội đồng thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô

1. Sở Quy hoạch - Kiến trúc trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập Hội đồng thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô.

2. Thành phần của Hội đồng thẩm định gồm Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ

tịch Hội đồng và các thành viên. Thành viên của Hội đồng thẩm định bao gồm đại diện các Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương, sở, ban, ngành Thành phố, các cơ quan, tổ chức có liên quan và các chuyên gia là uỷ viên phản biện.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố là Chủ tịch Hội đồng thẩm định. Các Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định là các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phụ trách ngành, lĩnh vực liên quan.

3. Hội đồng thẩm định làm việc theo chế độ tập thể và chịu trách nhiệm thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô.

Hội đồng thẩm định ban hành quy chế hoạt động để quy định cụ thể phương thức hoạt động, trách nhiệm, quyền hạn và các nội dung khác có liên quan đến việc thẩm định quy hoạch tổng thể Thủ đô.

Điều 6. Công bố quy hoạch tổng thể Thủ đô

1. Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày được phê duyệt, Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo công bố công khai nội dung của quy hoạch tổng thể Thủ đô; đối với những nội dung thuộc bí mật nhà nước phải bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Quy hoạch tổng thể Thủ đô phải được công bố tại trụ sở và đăng tải thường xuyên, liên tục trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố, các sở ngành của Thành phố, Ủy ban nhân dân các xã phường; hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch và kết hợp thực hiện theo một, một số hoặc các hình thức sau đây:

- a) Thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng;
- b) Trưng bày hệ thống bản vẽ quy hoạch tổng thể Thủ đô;
- c) Tổ chức hội nghị, hội thảo;
- d) Phát hành ấn phẩm.

Điều 7. Kế hoạch thực hiện quy hoạch tổng thể Thủ đô

1. Sau khi quy hoạch tổng thể Thủ đô được phê duyệt hoặc điều chỉnh tổng thể, Sở Quy hoạch - Kiến trúc chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch tổng thể Thủ đô.

2. Yêu cầu về kế hoạch thực hiện quy hoạch tổng thể Thủ đô bao gồm:

- a) Phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt;
- b) Bảo đảm tính khả thi về thời gian, nguồn lực và các điều kiện tổ chức thực hiện;
- c) Xác định rõ, cụ thể về tiến độ, trách nhiệm của các cơ quan trong tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật;
- d) Đề xuất các giải pháp tổ chức thực hiện và chế độ báo cáo kết quả công tác thực hiện quy hoạch.

Chương III

ĐỊNH MỨC CHI PHÍ QUY HOẠCH TỔNG THỂ THỦ ĐÔ

Điều 8. Nguyên tắc xác định chi phí

1. Chi phí lập, điều chỉnh quy hoạch tổng thể Thủ đô tại quy định này phải được tính đúng, tính đủ, phù hợp với tính chất công việc, quy mô diện tích, quy mô dân số, hệ số cho đô thị loại đặc biệt và hệ số cho hồ sơ quy hoạch theo cơ sở dữ liệu địa lý (GIS).

2. Chi phí cho hoạt động quy hoạch tổng thể Thủ đô được xác định phù hợp với nội dung, số lượng, khối lượng, chất lượng, tiến độ công việc và yêu cầu cần đạt về chất lượng sản phẩm theo quy định.

Điều 9. Định mức chi phí lập quy hoạch, chi phí công việc khác có liên quan đến quy hoạch tổng thể Thủ đô

1. Định mức chi phí phục vụ lập quy hoạch tổng thể Thủ đô gồm:

a) Định mức chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô và điều chỉnh quy hoạch tổng thể Thủ đô;

b) Định mức chi phí thẩm định quy hoạch tổng thể Thủ đô, điều chỉnh quy hoạch tổng thể Thủ đô;

c) Định mức chi phí quản lý nghiệp vụ công tác lập quy hoạch tổng thể Thủ đô, điều chỉnh quy hoạch tổng thể Thủ đô;

d) Định mức tổ chức lấy ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, chuyên gia và cộng đồng cư dân có liên quan;

đ) Định mức công bố quy hoạch được duyệt;

e) Chi phí tư vấn rà soát quy hoạch tổng thể Thủ đô được xác định bằng dự toán.

2. Chi phí các công việc khác có liên quan đến Quy hoạch tổng thể Thủ đô thực hiện theo yêu cầu, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố (làm phim giới thiệu quy hoạch được duyệt, sa bàn 3D, 4D mapping...) được thực hiện theo định mức hoặc xác định bằng dự toán riêng và phải được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

Điều 10. Xác định chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô

1. Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô bao gồm: chi phí nhân công thực hiện lập quy hoạch, các chi phí khác (chi phí mua tài liệu, số liệu, phôtô, in ấn, văn phòng phẩm, phần mềm quy hoạch, chi phí khấu hao thiết bị, chi phí đi lại, chi phí lưu trú, chi phí tổ chức hội nghị, hội thảo và các khoản chi phí khác).

2. Định mức chi phí thẩm định quy hoạch tổng thể Thủ đô, điều chỉnh quy hoạch tổng thể Thủ đô tính theo tỷ lệ (%) so với chi phí lập quy hoạch tổng thể Thủ đô, điều chỉnh quy hoạch tổng thể Thủ đô.

3. Định mức chi phí quản lý nghiệp vụ công tác lập quy hoạch tổng thể Thủ đô, điều chỉnh quy hoạch tổng thể Thủ đô tính theo tỷ lệ (%) so với chi phí lập quy hoạch tổng thể Thủ đô, điều chỉnh quy hoạch tổng thể Thủ đô.

4. Định mức chi phí tổ chức lấy ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, chuyên gia và cộng đồng cư dân có liên quan được xác định bằng 2% so với chi phí lập quy hoạch tổng thể Thủ đô, điều chỉnh quy hoạch tổng thể Thủ đô tương ứng với chi phí tư vấn trong nước.

5. Định mức chi phí công bố quy hoạch được duyệt được xác định bằng 3% so với chi phí lập quy hoạch tổng thể Thủ đô, điều chỉnh quy hoạch tổng thể Thủ đô tương ứng với chi phí tư vấn trong nước.

6. Chi phí thực hiện các công việc quy hoạch tổng thể Thủ đô, điều chỉnh quy hoạch tổng thể Thủ đô xác định theo định mức chi phí tại quy định này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, khi xác định dự toán chi phí quy hoạch tổng thể Thủ đô cần bổ sung thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành.

7. Chi phí dự phòng bằng 10% tổng chi phí lập quy hoạch tổng thể Thủ đô, điều chỉnh quy hoạch tổng thể Thủ đô.

8. Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành định mức chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô, chi phí thẩm định, chi phí quản lý nghiệp vụ.

Điều 11. Xác định chi phí rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng thể Thủ đô

1. Việc rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng thể Thủ đô thực hiện theo quy định tại Chương V của quy định này.

2. Chi phí tư vấn rà soát quy hoạch tổng thể Thủ đô xác định bằng dự toán theo quy định do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.

3. Chi phí điều chỉnh quy hoạch tổng thể Thủ đô:

a) Trường hợp điều chỉnh cục bộ: Chi phí điều chỉnh cục bộ quy hoạch được xác định bằng định mức do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định;

b) Trường hợp điều chỉnh tổng thể và phạm vi điều chỉnh không vượt quá quy mô diện tích của quy hoạch đã được phê duyệt thì chi phí điều chỉnh quy hoạch được xác định bằng 80% của chi phí lập quy hoạch tổng thể Thủ đô. Trường hợp phạm vi điều chỉnh vượt quá quy mô diện tích và dân số của quy hoạch đã được phê duyệt thì chi phí điều chỉnh quy hoạch bằng 100% của chi phí lập quy hoạch tổng thể Thủ đô.

Điều 12. Trường hợp thuê tư vấn nước ngoài theo quyết định, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội để lập Nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô, điều chỉnh quy hoạch tổng thể Thủ đô

1. Trường hợp thuê tổ chức tư vấn trong nước chủ trì, phối hợp với chuyên gia tư vấn nước ngoài để lập Nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô, điều chỉnh quy hoạch tổng thể Thủ đô: Mức chi phí tối đa không quá 2,0 lần chi phí tư vấn trong nước tương ứng theo quy định tại quy định này.

2. Trường hợp thuê tổ chức tư vấn trong nước và tổ chức tư vấn nước ngoài phối hợp để lập Nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô, điều chỉnh quy hoạch tổng thể Thủ đô: Mức chi phí tối đa không quá 3,0 lần chi phí tư vấn trong nước tương ứng theo quy định tại quy định này.

3. Trường hợp thuê tổ chức tư vấn nước ngoài thực hiện toàn bộ công việc lập Nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô, điều chỉnh quy hoạch tổng thể Thủ đô: Mức chi phí tối đa không quá 4,0 lần chi phí tư vấn trong nước tương ứng theo quy định tại quy định này.

Điều 13. Thẩm quyền phê duyệt dự toán, quản lý chi phí lập quy hoạch

1. Cơ quan tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô, điều chỉnh quy hoạch tổng thể Thủ đô lập dự toán chi phí quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 quy định này theo định mức do UBND Thành phố ban hành và các quy định hiện hành khác có liên quan, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét phê duyệt.

2. Tổ chức tư vấn lập quy hoạch tổng thể Thủ đô được trực tiếp quyết định lựa chọn nhân công, không phải thực hiện thủ tục đấu thầu tư vấn cá nhân. Chi phí nhân công lập quy hoạch được áp dụng theo hình thức hợp đồng trọn gói.

3. Cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý nghiệp vụ lập quy hoạch tổng thể Thủ đô có trách nhiệm quản lý tiết kiệm, hiệu quả chi phí lập quy hoạch và chi phí của các công việc khác có liên quan đến lập quy hoạch theo các quy định có liên quan. Trong quá trình quản lý chi phí, cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý nghiệp vụ lập quy hoạch được thuê tổ chức, cá nhân tư vấn có đủ năng lực kinh nghiệm để lập, thẩm tra dự toán chi phí quy hoạch và các chi phí khác có liên quan.

Chương IV

**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT
QUY HOẠCH TỔNG THỂ THỦ ĐÔ**

Điều 14. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng thể Thủ đô

1. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng thể Thủ đô gồm:

- a) Lập nhiệm vụ quy hoạch tổng thể Thủ đô;
- b) Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch tổng thể Thủ đô;
- c) Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch tổng thể Thủ đô;
- d) Lập quy hoạch tổng thể Thủ đô;
- đ) Thẩm định quy hoạch tổng thể Thủ đô;
- e) Phê duyệt quy hoạch tổng thể Thủ đô.

2. Nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô được tổ chức lập, lấy ý kiến và thẩm định song song; việc xem xét phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch phải được thực hiện trước, làm cơ sở hoàn thiện hồ sơ, trình phê duyệt quy hoạch tổng thể Thủ đô.

3. Kinh phí cho hoạt động quy hoạch tổng thể Thủ đô bằng nguồn kinh phí chi thường xuyên.

4. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch tổng thể Thủ đô: Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

5. Tổ chức tư vấn lập quy hoạch tổng thể Thủ đô: Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

6. Cơ quan thẩm định quy hoạch tổng thể Thủ đô: Hội đồng thẩm định do Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập.

7. Cơ quan thông qua quy hoạch tổng thể Thủ đô: Hội đồng nhân dân Thành phố.

8. Cơ quan phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể Thủ đô: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 15. Lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô

1. Cơ quan tổ chức lập và tổ chức tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô đảm bảo nội dung, thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 3, Điều 20, Điều 21 và Điều 22 của quy định này.

2. Cơ quan tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô có trách nhiệm:

a) Lấy ý kiến về nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô theo quy định tại Điều 4 quy định này;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành Thành phố, cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, xử lý các vấn đề liên ngành, liên xã nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch;

c) Tiếp thu, giải trình đầy đủ các ý kiến tham gia trong quá trình lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô; hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô trước khi trình thẩm định.

3. Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm đề xuất các nội dung thuộc phạm vi quản lý, gửi cơ quan tổ chức lập quy hoạch tổng thể Thủ đô.

4. Thời gian lập nhiệm vụ quy hoạch và quy hoạch tổng thể Thủ đô không quá 18 tháng.

Điều 16. Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô

1. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch tổng thể Thủ đô trình Sở Quy hoạch - Kiến trúc hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô. Sở Quy hoạch - Kiến trúc có trách nhiệm:

a) Kiểm tra nội dung, thành phần hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô bảo đảm theo quy định tại Điều 3, Điều 20, Điều 21 và Điều 22 của quy định này;

b) Tham mưu tổ chức họp Hội đồng thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô;

c) Tổng hợp ý kiến thẩm định của các thành viên Hội đồng thẩm định; ban hành thông báo kết luận của Hội đồng thẩm định và gửi cơ quan tổ chức lập quy hoạch để nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô.

2. Nội dung thẩm định nhiệm vụ quy hoạch tổng thể Thủ đô bao gồm:

a) Sự đầy đủ, tính hợp lý của nội dung nhiệm vụ quy hoạch tổng thể Thủ đô quy định tại khoản 2 Điều 3 của quy định này;

b) Sự phù hợp của nhiệm vụ quy hoạch tổng thể Thủ đô với quy hoạch cấp quốc gia hoặc quy hoạch vùng.

3. Nội dung thẩm định quy hoạch tổng thể Thủ đô bao gồm:

a) Việc tuân thủ trình tự lập quy hoạch tổng thể Thủ đô theo quy định khoản 1 và khoản 2 Điều 14 của quy định này;

b) Sự phù hợp với nhiệm vụ quy hoạch, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng;

c) Việc đáp ứng yêu cầu về nội dung của quy hoạch tổng thể Thủ đô quy định tại khoản 3 Điều 3 của quy định này.

4. Thời gian thẩm định nhiệm vụ quy hoạch tổng thể Thủ đô không quá 15 ngày kể từ ngày Sở Quy hoạch - Kiến trúc nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định. Thời gian thẩm định quy hoạch tổng thể Thủ đô không quá 30 ngày kể từ ngày Sở Quy hoạch - Kiến trúc nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.

5. Việc thẩm định của Hội đồng thẩm định theo quy định tại quy định này không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của cơ quan tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô và trách nhiệm của tổ chức tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô đối với phần việc do mình thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô

1. Sau khi tiếp thu, giải trình đầy đủ các ý kiến tại thông báo kết quả thẩm định, hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô, cơ quan tổ chức lập quy hoạch tổng thể Thủ đô gửi hồ sơ tới Sở Quy hoạch - Kiến trúc để kiểm tra. Nếu hồ sơ đủ điều kiện phê duyệt, Sở Quy hoạch - Kiến trúc trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt quy hoạch tổng thể Thủ đô sau khi lấy ý kiến của các bộ, ngành liên quan và được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua.

3. Thời gian phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô không quá 10 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân Thành phố nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.

4. Báo cáo thuyết minh và các bản vẽ trong hồ sơ quy hoạch tổng thể Thủ đô sau khi được phê duyệt phải được Sở Quy hoạch - Kiến trúc kiểm tra, đóng dấu xác nhận theo quy định tại khoản 7, Điều 20 của quy định này.

Chương V

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

Điều 18. Rà soát quy hoạch tổng thể Thủ đô

1. Quy hoạch tổng thể Thủ đô phải được rà soát, đánh giá quá trình triển khai thực hiện theo định kỳ 05 năm hoặc khi xuất hiện yêu cầu điều chỉnh quy hoạch phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn.

2. Sở Quy hoạch - Kiến trúc có trách nhiệm tổ chức rà soát, tổng hợp kết quả rà soát quy hoạch tổng thể Thủ đô đã được phê duyệt, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo.

3. Báo cáo kết quả rà soát quy hoạch tổng thể Thủ đô bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình và kết quả thực hiện quy hoạch; đánh giá mức độ đạt được so với quy hoạch;
- b) Xác định yếu tố, nguyên nhân ảnh hưởng đến tình hình và kết quả thực hiện quy hoạch; đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động quy hoạch;
- c) Kiến nghị điều chỉnh quy hoạch (nếu có).

4. Báo cáo kết quả rà soát quy hoạch tổng thể Thủ đô phải kèm theo các bản vẽ và các văn bản pháp lý có liên quan.

Điều 19. Điều chỉnh quy hoạch tổng thể Thủ đô

1. Việc điều chỉnh quy hoạch tổng thể Thủ đô chỉ được thực hiện khi có một hoặc nhiều trong số các căn cứ sau đây:

- a) Phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng đặc biệt quan trọng hoặc yêu cầu cấp bách về bảo đảm quốc phòng, an ninh;
- b) Có biến động lớn về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, biến đổi khí hậu hoặc các thảm họa thiên tai gây ảnh hưởng trực tiếp đến cấu trúc, định hướng phát triển của quy hoạch tổng thể Thủ đô đã được phê duyệt;
- c) Có sự điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng hoặc các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội quan trọng của đất nước làm thay đổi các chỉ tiêu định hướng trong quy hoạch tổng thể Thủ đô;

d) Thực hiện các nhiệm vụ cấp bách theo chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng, Đảng ủy Chính phủ, Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố.

2. Điều chỉnh tổng thể quy hoạch tổng thể Thủ đô được tiến hành trên cơ sở kết quả rà soát quy hoạch tổng thể Thủ đô và khi có một trong các điều kiện điều chỉnh quy hoạch quy định tại khoản 1 điều này mà có sự thay đổi về cơ cấu, vai trò, tính chất, chức năng và các giải pháp quy hoạch, yêu cầu tổ chức không gian của toàn bộ địa giới hành chính Thủ đô Hà Nội;

3. Điều chỉnh cục bộ quy hoạch tổng thể Thủ đô được tiến hành trên cơ sở kết quả rà soát quy hoạch tổng thể Thủ đô và khi có một trong các điều kiện điều chỉnh quy hoạch quy định tại khoản 1 điều này mà nội dung dự kiến điều chỉnh không làm thay đổi tính chất, chức năng, phạm vi ranh giới, định hướng phát triển, các giải pháp quy hoạch chính của khu vực đã được lập, phê duyệt quy hoạch và đánh giá tác động của việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch bảo đảm không làm quá tải hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, tuân thủ quy chuẩn về quy hoạch đô thị và nông thôn.

Chương VI

THÀNH PHẦN HỒ SƠ QUY HOẠCH TỔNG THỂ THỦ ĐÔ VÀ HỒ SƠ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỔNG THỂ THỦ ĐÔ

Điều 20. Quy định chung về thành phần hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô

1. Hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô được phê duyệt là hồ sơ bằng bản giấy được Sở Quy hoạch - Kiến trúc đóng dấu xác nhận.

2. Hồ sơ điện tử quy hoạch tổng thể Thủ đô là tập hợp các tài liệu điện tử có liên quan với nhau, bao gồm:

a) Cơ sở dữ liệu số cơ bản là các tệp tin (file) bản vẽ và văn bản được in ấn thành một phần của hồ sơ bản giấy có đầy đủ nội dung quy định tại Điều 21 và Điều 22 của quy định này, không bao gồm các văn bản, tài liệu liên quan;

b) Cơ sở dữ liệu số pháp lý bao gồm các tệp tin (file) được số hóa, quét (scan) từ hồ sơ bằng bản giấy hoặc chứng thực điện tử, đầy đủ thành phần theo quy định tại Điều 21 và Điều 22 của quy định này;

c) Cơ sở dữ liệu số địa lý (GIS).

3. Đối với các tài liệu, Sơ đồ, dữ liệu số địa lý thuộc danh mục Bí mật nhà nước ngành quốc phòng, thực hiện quản lý, lưu trữ theo quy định riêng của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, không tích hợp công khai trên hệ thống thông tin quốc gia.

4. Hồ sơ lấy ý kiến bao gồm:

a) Hồ sơ lấy ý kiến cộng đồng dân cư có liên quan gồm báo cáo tóm tắt; các bản vẽ theo quy định, đáp ứng yêu cầu về việc lấy ý kiến được xác định trong nhiệm vụ quy hoạch;

b) Hồ sơ lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, chuyên gia gồm hồ sơ bản giấy (Báo cáo thuyết minh, bản vẽ tỷ lệ thích hợp, các văn bản pháp lý liên quan) và hồ sơ điện tử quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Hồ sơ trình thẩm định bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô;

b) Hồ sơ bản giấy thể hiện nội dung và thành phần hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô bảo đảm theo quy định tại Điều 21 và Điều 22 của quy định này;

c) Hồ sơ điện tử theo quy định tại khoản 2 Điều này.

6. Hồ sơ trình phê duyệt bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô;

b) Hồ sơ bản giấy thể hiện nội dung và thành phần hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô bảo đảm theo quy định tại Điều 21 và Điều 22 của quy định này;

c) Thông báo kết luận của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch tổng thể Thủ đô;

d) Hồ sơ điện tử theo quy định tại khoản 2 Điều này.

7. Quy định về đóng dấu xác nhận hồ sơ quy hoạch tổng thể Thủ đô đã phê duyệt.

a) Sau khi quy hoạch tổng thể Thủ đô được cấp có thẩm quyền ban hành quyết định phê duyệt, Cơ quan tổ chức lập quy hoạch hoàn thiện hồ sơ theo Quyết định phê duyệt, gửi hồ sơ đến Sở Quy hoạch - Kiến trúc để đóng dấu xác nhận;

b) Sở Quy hoạch - Kiến trúc đóng dấu xác nhận tại báo cáo thuyết minh quy hoạch, bản vẽ (tất cả các bản ghép) trong hồ sơ quy hoạch tổng thể Thủ đô;

c) Số lượng hồ sơ để đóng dấu xác nhận 07 bộ hồ sơ.

Điều 21. Hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch tổng thể Thủ đô

1. Báo cáo thuyết minh thể hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 3 quy định này.

2. Bản vẽ:

a) Sơ đồ vị trí và mối liên hệ trong quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia, quy hoạch vùng;

b) Bản đồ ranh giới và phạm vi lập quy hoạch tổng thể Thủ đô;

3. Các văn bản, tài liệu liên quan.

4. Tờ trình đề nghị phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch tổng thể Thủ đô và dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch tổng thể Thủ đô.

Điều 22. Hồ sơ quy hoạch tổng thể Thủ đô

1. Báo cáo thuyết minh quy hoạch thể hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 3 quy định này.

2. Hệ thống sơ đồ, bản đồ, bản vẽ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch:

a) Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng thể hiện theo tỷ lệ thích hợp trên nền bản đồ định hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia; bản đồ phương hướng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn;

b) Bản đồ hiện trạng phát triển không gian, sử dụng đất và hệ thống hạ tầng kỹ thuật toàn Thành phố thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000 hoặc 1/50.000;

c) Bản đồ đánh giá tổng hợp về đất xây dựng thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000 hoặc 1/50.000;

d) Bản đồ định hướng phát triển không gian đô thị toàn Thành phố thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000;

đ) Bản đồ sử dụng đất khu vực đô thị và khu chức năng thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/10.000;

e) Các bản đồ định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật của toàn Thành phố tỷ lệ 1/25.000;

g) Các bản vẽ thiết kế đô thị: Thể hiện đầy đủ các nội dung yêu cầu về định hướng tổ chức phân vùng kiến trúc cảnh quan; không gian cây xanh mặt nước, khu vực cửa ngõ, trục không gian chính, điểm nhấn thành phố; bảo tồn cảnh quan thiên nhiên và di sản văn hóa theo tỷ lệ thích hợp. Các bản vẽ phối cảnh tổng thể và các góc nhìn chính mô phỏng không gian kiến trúc phù hợp, để làm rõ được các nội dung nghiên cứu;

h) Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội Thành phố thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000;

i) Sơ đồ phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất Thành phố thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000;

k) Sơ đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên Thành phố thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000;

l) Sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học Thành phố thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000;

m) Sơ đồ phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu Thành phố thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000;

n) Sơ đồ hệ thống công trình quốc phòng và khu quân sự hiện hữu, dự kiến quy hoạch (được biên tập ở cấp độ bảo mật phù hợp theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước).

o) Các sơ đồ, bản đồ, bản vẽ khác (nếu có).

3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược (nếu có);

4. Quy định quản lý theo quy hoạch tổng thể Thủ đô.

5. Các văn bản, tài liệu liên quan.

6. Tờ trình đề nghị phê duyệt quy hoạch tổng thể Thủ đô và dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt quy hoạch tổng thể Thủ đô.

Điều 23. Hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tổng thể Thủ đô

1. Thành phần và nội dung hồ sơ điều chỉnh tổng thể quy hoạch tổng thể Thủ đô theo quy định tại Điều 22 của quy định này.

2. Thành phần và nội dung hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch tổng thể Thủ đô bao gồm:

a) Báo cáo điều chỉnh quy hoạch tổng thể Thủ đô, trong đó nêu rõ: Lý do, sự cần thiết thực hiện điều chỉnh quy hoạch tổng thể Thủ đô; đánh giá hiện trạng khu vực điều chỉnh; nội dung điều chỉnh quy hoạch tổng thể Thủ đô; phân tích, làm rõ hiệu quả kinh tế - xã hội của việc điều chỉnh quy hoạch tổng thể Thủ đô; đánh giá tác động của việc điều chỉnh đến việc triển khai thực hiện quy hoạch đã được phê duyệt; đề xuất biện pháp khắc phục các vấn đề mới nảy sinh do điều chỉnh quy hoạch (nếu có);

b) Các bản vẽ thể hiện các nội dung gồm: Vị trí, phạm vi ranh giới và quy mô khu vực điều chỉnh quy hoạch tổng thể Thủ đô; nội dung điều chỉnh quy hoạch;

c) Các văn bản pháp lý có liên quan; Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan về điều chỉnh quy hoạch tổng thể Thủ đô;

d) Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch tổng thể Thủ đô./.